| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG**<br>Bản án số: **107**/2021/HS-ST<br>Ngày 10/9/2021 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vương Minh Tân
2. Bà Lý Thị Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2021/TLST-HS, ngày 30/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐXX-HS ngày 27/8/2021 đối với bị cáo:

**Tiêu Thế T**, sinh ngày 22/7/1998; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn 15, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Tiêu Văn H, sinh năm 1970 và con bà Lâm Thị H, sinh năm 1977; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 2001; Con: có 01 con, sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công An tỉnh Tuyên Quang. có mặt.

** Bị hại:*

1. Anh **Phạm Đình T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn 24, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

2. Anh **Hà Đình K**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn 14, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

3. Anh **Đàm Văn H**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

4. Anh **Đàm Văn L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

5. Anh **Thẩm Văn T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 14, xã K, thành phố T. Có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị **Hoàng Thị Thanh H**, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn 15, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

2. Chị **Tiêu Thị H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 15, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

3. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 8, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 20/12/2020 đến ngày 12/01/2021, Tiêu Thế T, trú tại thôn 15, xã K, thành phố T nhiều lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản. Cụ thể:

***Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:***

Lần 1: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, T đến nhà bạn là Phạm Đình T, trú tại thôn 24, xã K, thành phố T để mừng tiền cưới cho T. Sau khi đến nhà, T nhìn thấy T đang sửa chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 22B1-153.06 nên nảy sinh ý định lừa mượn xe của T rồi mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, T nói dối với T cho mượn xe môtô để đi thử, T đồng ý giao xe cho T.

Sau khi có xe của T, T đi đến cửa hàng mua bán xe cũ của Nguyễn Văn H, trú tại thôn 8, xã L, thành phố T, viết giấy bán xe T lừa của T cho H với giá 8.000.000 đồng *(tám triệu đồng*), T cam kết là xe của T, không mượn hay trộm cắp hay lừa đảo của ai và T hẹn ngày 30/12/2020 mang giấy tờ xe cho H. Số tiền trên, T dùng để nạp tiền chơi Game và chi tiêu cá nhân hết.

Thái không thấy T trả xe, điện thoại cho T đòi xe nhưng không liên lạc được, sáng ngày 21/12/2020, T nhắn tin thông báo cho T biết xe cầm cố tại nhà H, bảo T đến trả tiền lấy xe về nhưng T không đồng ý, T đến Công an xã K trình báo. Khoảng 10 ngày sau, T đến gặp H trả 8.200.000 đồng, lấy lại chiếc xe BKS 22B1-153.06.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG ngày 06/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: Xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Super Dream, BKS 22B1-153.06 có giá trị là 17.300.000 đồng *(Mười bẩy triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Lần 2: Khoảng 22 giờ ngày 20/12/2020, sau khi đi bán xe của T lấy tiền chơi game tại khu vực ngã 8 thuộc phường T, thành phố T, T đi bộ trên đường Quốc lộ 37, thuộc phường H, thành phố T thì gặp bạn là Hà Đình K, trú tại thôn 14, xã K, thành phố T điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 22B2 - 428.88, T gọi K lại đi nhờ, K đồng ý. Sau đó T và K đi ăn tối tại một quán ăn ở xã H, huyện Y, ăn xong K đưa T về.

Trên đường về gần tới nhà, T nảy sinh ý định lừa mượn xe của K mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân nên T bảo K dừng lại, đứng chờ, T nói dối K cho mượn xe về nhà lấy quần áo, tiền rồi quay lại nhờ K đưa ra nhà nghỉ để ngủ, hôm sau đi làm, K tin là thật, đồng ý giao xe môtô cho T. Nhận được xe, T điều khiển đi được một đoạn đường, T tắt đèn xe để K không nhìn thấy, sau đó điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của Nguyễn Văn H, viết giấy bán chiếc xe T lừa của K cho H với giá tiền là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, T cam kết là xe của T, không mượn hay trộm cắp hay lừa đảo của ai, T mở cốp xe lấy giấy đăng ký xe của K đưa cho H. Số tiền bán xe T sử dụng nạp thẻ chơi game và chi tiêu cá nhân hết.

K không thấy T trả xe, điện thoại đòi xe nhưng không liên lạc được. Sáng ngày 21/12/2020, K thấy T nhắn tin thông báo đã cắm xe của K ở nhà H, xuống trả tiền lấy xe về nhưng K không đồng ý, đến Công an xã K trình báo. Sau đó, khoảng 10 ngày sau, K đến nhà H trả 11.000.000 đồng và lấy lại xe môtô BKS 22B2 - 428.88 cùng giấy đăng ký xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG ngày 06/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: Xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Blade, BKS 22B2-428.88 có giá trị là 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*.

Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2021, T hẹn gặp Đàm Văn H, trú tại tổ 3, phường M, thành phố T để trả tiền nợ cho H. Khi gặp H, T bảo Huy đưa ra cây ATM ở xã K, thành phố T rút tiền, Huy đồng ý, điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 22B1- 043.12 (xe Huy mượn của bố là Đàm Văn L) chở T đi. Trên đường đi, T nảy sinh ý định lừa mượn xe môtô của H mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến cây ATM, T bảo H đứng đợi, nói dối H cho T mượn xe môtô đi đón bạn, H đồng ý và giao xe cho Toàn. Sau khi nhận được xe, T điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe của Nguyễn Văn H, gặp và cầm cố chiếc xe T lừa của H cho người làm việc tại cửa hàng của H với số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*, số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

H đứng chờ không thấy T quay lại trả xe, gọi điện cho T không được nên khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/01/2021 đến Công an trình báo.

Ngày 12/01/2021, bố Huy là anh Đàm Văn L đến nhà T đòi xe. Sau đó vợ T là Hoàng Thị Thanh H đi cùng cô của T là chị Tiêu Thị H (đều trú cùng địa chỉ với Toàn) đến nhà cửa hàng của Nguyễn Văn H, gặp một người đàn ông (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nơi ở) làm tại cửa hàng trả 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), lấy xe môtô BKS 22B1-043.12 về trả cho H và anh L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG ngày 06/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: Xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 22B1-043.12, có giá trị là 7.000.000 đồng *(Bẩy triệu đồng).*

***Về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản:***

Khoảng 14 giờ 40 phút, ngày 12/01/2021, anh Đàm Văn L, trú tại tổ 3, phường M, thành phố T là bố Đàm Văn H điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe SH125i BKS 22B2-495.17 (xe anh L mượn của Nịnh Thị T, trú tại thôn Yên Thái, xã H, huyện Y) cùng với Thẩm Văn T, trú tại thôn 14, xã K, thành phố T điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Dream BKS 22B1-452.95 đến nhà Tiêu Thế T, mục đích yêu cầu T trả lại chiếc xe môtô BKS 22B1-043.12 mà T lừa mượn của Huy vào ngày 10/01/2021.

Khi đến nơi, anh L và Trường dựng xe môtô ở sân nhà chị Tiêu Thị H (trú cùng thôn, cạnh nhà Toàn) rồi đi sang nhà T nói chuyện. Trong khi nói chuyện giữa T và anh Lưu, anh T xảy ra mâu thuẫn, T xuống gầm nhà sàn lấy 01 con dao dài 44cm, chôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại ra dọa đánh anh L và anh T. Thấy T cầm dao, anh L và anh T bỏ chạy, T đuổi theo nhưng không đuổi kịp, T quay lại thì nhìn thấy xe môtô của anh L và xe môtô của anh T dựng ở sân nhà chị Tiêu Thị H, T đi đến cầm dao bằng tay phải chém nhiều nhát vào 02 chiếc xe, khiến xe môtô BKS 22B2-495.17 và xe môtô BKS 22B1-452.95 bị hư hỏng mặt đồng hồ và biển số xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: Giá trị thiệt hại của xe môtô nhãn hiệu Honda, loại SUPER DREM, BKS 22B1-452.95 là 950.000 đồng (*chín trăm năm mươi nghìn đồng*); giá trị thiệt hại của xe môtô nhãn hiệu Honda, loại SH125i, BKS 22B2-495.17 là 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là 4.450.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 100/CT-VKSTP ngày 29/7/202 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Tiêu Thế T về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*" theo quy định tại khoản 1, Điều 178 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 178, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Tiêu Thế T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*";

Xử phạt bị cáo Tiêu Thế T từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 07 (bẩy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù về tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*"; Tổng hợp hình phạt của cả

hai tội, bị cáo phải thi hành từ 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù đế 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tiêu Thế T phải phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại Phạm Đình T, Đoàn Văn Lưu, Thẩm Văn T, số tiền bồi thường như bị báo và các bị hại đã thỏa thuận tại phiên tòa.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn T phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có tình tiết mới, bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận điều tra, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, nhất trí với yêu cầu bồi thường của các bị hại, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản làm việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghịa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 20/12/2020 đến ngày 12/01/2021, Tiêu Thế T, trú tại thôn 15, xã K, thành phố T ba lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và một lần cố ý làm hư hỏng tài sản, cụ thể:

***Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:***

Lần 1: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, tại nhà của Phạm Đình T, trú tại thôn 24, xã K, thành phố T, Tiêu Thế T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe

mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 22B1-153.06, trị giá 17.300.000 đồng *(Mười bẩy triệu ba trăm nghìn đồng)* của Thái.

Lần 2: Khoảng 22 giờ ngày 20/12/2020, tại thôn 15, xã K, thành phố T, Tiêu Thế T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 22B2 - 428.88, trị giá 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* của Hà Đình K, trú tại thôn 14, xã K, thành phố T.

Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2021, tại khu vực cây ATM ở xã K, thành phố T, Tiêu Thế T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 22B1- 043.12, trị giá 7.000.000 đồng *(Bẩy triệu đồng)* của Đàm Văn H, trú tại Tổ dân phố 3, phường M, thành phố T.

Tổng giá trị tài sản 03 lần T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt được là 36.300.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).*

***Về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản:***

Khoảng 14 giờ 40 phút, ngày 12/01/2021, tại thôn 15, xã K, thành phố T, Tiêu Thế T (trú tại địa chỉ trên) có hành vi dùng dao gây hư hỏng tài sản là xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 22B1-452.95 của anh Thẩm Văn T, trú tại thôn 14, xã K, thành phố T làm thiệt hại 950.000 đồng (*chín trăm năm mươi nghìn đồng*) và gây hư hỏng xe môtô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS 22B2-495.17 của anh Đàm Văn L, trú tại tổ 3, phường M, thành phố T làm thiệt hại 3.500.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại 02 xe môtô là 4.450.000 đồng *(bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).*

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ mượn xe mô để đi giải quyết việc của bản thân làm cho chủ sở hữu tài sản là anh Phạm Đình T, anh Hà Đình K và anh Đàm Văn H tin là sự thật và giao xe cho bị cáo, sau đó bị cáo chiếm đoạt tài sản bằng cách bán và cầm cố tài sản một cách trái phép để lấy tiền tiêu sài. Bị cáo đã 03 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đối với 03 bị hại khác nhau với tổng số tiền trị giá của tài sản là 36.300.000đ *(ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng);* Bị cáo thực hiện hành vi phá hư hỏng tài sản (chém nhiều nhát vào 02 xe môtô BKS 22B2-495.17 và xe môtô BKS 22B1- 452.95 làm hư hỏng mặt đồng hồ và biển số phải khôi phục, sửa chữa gây thiệt hại đối với 02 xe mô tô là 4.450.000đ (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Tiêu Thế T về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự và tội *Cố ý làm hư hỏng tài sản*, quy định tại khoản 1, Điều 178 Bộ luật hình là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu lao động kiếm tiền chân chính mà lại lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác có tiền tiêu sài. Bị cáo nhận thức rõ việc làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xác định rõ hậu quả của hành vi bị cáo thực hiện sẽ gây thiệt hại về tài sản của người khác nhưng vẫn thực hiện.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Vợ của bị cáo là Hoàng Thị Thanh H chuộc lại xe môtô Yamaha BKS 22B1 - 043.12 để trả cho bị hại Đàm Văn H, bị hại là ông Đàm Văn L xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội hai lần trở lên*" theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt và thiệt hại của tài sản bị cáo làm hư hỏng cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

[7] Đối với việc anh Nguyễn Văn H và nhân viên cửa hàng của anh Nguyễn Văn H đã mua 03 chiếc xe môtô do Tiêu Thế T bán, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai khi bán xe mô tô cho anh H và nhân viên của anh H bị cáo đều không nói nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có và đều cam kết là xe mô tô bị cáo bán là của bị cáo. Lời khai của bị cáo về việc mua bán xe với anh H và nhân viên của anh H phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bị cáo xác nhận lời khai của anh Nguyễn Văn H là đúng. Do vậy, HĐXX không xem xét xử lý đối với anh Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra, anh Hà Đình K khai báo trong cốp xe để một số giấy tờ cá nhân và 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) trong ví, khi lấy lại xe ở nhà H thì giấy tờ cá nhân còn đủ, nhưng mất số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không có căn cứ chứng minh bị cáo Tiêu Thế T hay người khác lấy số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) của anh Hà Đình K; Tại phiên tòa: Bị cáo khai không biết trong ví có số tiền

1.000.000đ (*một triệu đồng*), anh Phương cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại: Anh Phạm Đình T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Đình T số tiền phải bỏ ra để chuộc chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 22B1-153.06 là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*); Anh Hà Đình K yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh Hà Đình K số tiền anh K bỏ ra để chuộc chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 22B2 - 428.88 là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*); Anh Đàm Văn L yêu cầu bị cáo trả số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) do anh L bỏ ra để sửa xe môtô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS 22B2-495.17; Anh Thẩm Văn T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 1.280.000 đồng (*một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) mà anh T bỏ ra để sửa xe môtô BKS 22B1-452.95, bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường của anh Thái, anh Khương, Anh L và anh anh T. Xét thấy việc bị cáo và các bị hại thỏa thuận với nhau là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. Do vậy, HĐXX buộc bị cáo Tiêu Thế T phải bồi thường cho anh Hà Đình K 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), bồi thường cho anh Phạm Đình T 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), bồi thường cho anh Đoàn Văn Lưu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) và bồi thường cho anh Thẩm Văn T 1.280.000đ đồng (*một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Anh Đàm Văn H và anh Đàm Văn L nhận lại xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 22B1-043.12, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì về xe nên HĐXX không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với anh Đàm Văn H và anh Đàm Văn L về xe mô tô.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nịnh Thị T đã nhận lại xe môtô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS 22B2-495.17, không yêu cầu bồi thường gì về xe; Chị Hoàng Thị Thanh H không yêu cầu T phải trả 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) chị Hiền bỏ ra lấy lại xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 22B1- 043.12 trả cho bị hại. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với chị Nịnh Thị T và chị Hoàng Thị Thanh H.

[9] Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Super Dream, BKS 22B1-153.06 của Phạm Đình T; xe môtô nhãn hiệu Honda loại Blade, BKS 22B2-428.88 của Hà Đình K; xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 22B1-043.12 của anh Đàm Văn L do các bị hại giao nộp; 01 xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe SH125i BKS 22B2 - 495.17 của chị Ninh Thị Thúy; 01 xe mô tô Honda Dream BKS 22B1 - 452.95 cùng giấy đăng ký xe của anh Thẩm Văn T; 01 con dao dài 44 cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã trả lại các xe mô tô có nhãn hiệu, biển kiểm soát như trên cho các chủ sở hữu hợp pháp, trả đăng ký xe mô tô cho anh Thẩm Văn T. Nên

HĐXX không xem xét xử lý về xe mô tô và giấy đăng ký xe; Đối với 01 con dao dài 44 cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, đã qua sử dụng, là của vợ chồng bị cáo. HĐXX xét thấy là tang vật của vụ án, bị cáo và vợ bị cáo không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Án phí của vụ án:

Bị cáo Tiêu Thế T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 1.114.000đ (*một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*).

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 178, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Tiêu Thế T phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài s*ản và tội *Cố ý làm hư hỏng tài sản*;

- Xử phạt bị cáo Tiêu Thế T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* và xử phạt 07 (bẩy) tháng tù về tội *Cố ý làm hư hỏng tài sản*.

Tổng hợp hình phạt của hai tội là **02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 09/5/2021.

**2.** Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 275, Điều 280, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Tiêu Thế T phải phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 22.280.000đ (*hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Hà Đình K 10.000.000đ (*mười triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Phạm Đình T 8.000.000đ (*tám triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Đoàn Văn Lưu 3.000.000 đồng (*ba triệu nghìn đồng*);
- Bồi thường cho anh Thẩm Văn T số tiền 1.280.000đ (*một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do nghĩa vụ trậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự*

***3.*** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy với 01 con dao dài 44 cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, đã qua sử dụng.

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.*

**4.** Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Tiêu Thế T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.114.000đ (*một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo T bộ nội dung bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/9/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"./.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vương Minh Tân – Lý Thị Nhân** **Vương Thị Lan**

***Nơi nhận*:**

- Bị cáo; bị hại; Người có QLVNVLQ;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vương Thị Lan**